TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **632**/2026/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2017 ngày 23/5/2017 tại UBND Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Hưng Yên).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: **115**/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, về việc "Ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh ngày: 15/04/1992; CCCD số: 034192005031; Ngày cấp: 12/06/2022; Nơi cấp: Cục C về TTXH;

- Bị đơn: Anh Phạm Long H, sinh ngày: 18/08/1988; CCCD số: 034088014265; Ngày cấp: 03/06/2022; Nơi cấp: Cục C về TTXH;

Cùng nơi thường trú và cư trú: Căn hộ C, Tòa A3, A, KĐT Thành phố G, TDP H, phường P, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] ***Về tình cảm***: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Phạm Long H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/5/2017 tại UBND Thị trấn T, huyện T, tỉnh Thái Bình (nay là UBND xã T, tỉnh Hưng Yên). Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không còn phù hợp khiến cho cả hai không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng chung sống với nhau không còn tình cảm. Đến nay anh chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị Lan A khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội cho chị được ly hôn, anh Phạm Long H đồng ý, yêu cầu Tòa án công nhận cho anh chị được thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung, gồm: cháu Phạm Tuấn H1, sinh ngày 05/11/2017 (N) và cháu Phạm Huyền A1, sinh ngày 08/10/2021 (Nữ), ngoài ra anh chị không có con chung, con nuôi nào khác. Sau khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận giao cháu Phạm Huyền A1 cho chị Nguyễn Thị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Tuấn H1 cho anh Phạm Long H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung trưởng thành,

đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về mức cấp dưỡng nuôi con chung, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào. Xét yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Tòa án chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan A tự nguyện chịu cả 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Phạm Long H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh chị có 02 con chung, gồm: cháu Phạm Tuấn H1, sinh ngày 05/11/2017 (N) và cháu Phạm Huyền A1, sinh ngày 08/10/2021 (Nữ).

+ Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao các cháu Phạm Tuấn H1 và cháu Phạm Huyền A1 cho chị Nguyễn Thị Lan A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

+ Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về quyền thăm nom, chăm sóc con chung: Anh Phạm Long H, chị Nguyễn Thị Lan A có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không bị ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

- Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

2/ Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lan A tự nguyện chịu cả 300.000 VND (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số: 0001916 ngày 21 tháng 01 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Lan A đã nộp đủ án phí.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Vũ Quang H2